

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
TẠI VIETINBANK HÀ TĨNH**

Lê Thị Thu

Phan Thị Ái

Nguyễn Thị Phước

Email: thu.lethi@htu.edu.vn

Ngày nhận bài (received): 07/10/2025

Ngày nhận bài sửa (revised): 07/11/2025

Ngày nhận đăng (accepted): 11/11/2025

Tóm tắt

Bài viết phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp (KHDN) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (VietinBank Hà Tĩnh) giai đoạn 2020-2024 dựa trên khung lý thuyết quản trị rủi ro của Basel và tiếp cận theo vòng đời khoản vay (nhận diện - đo lường - ứng phó - kiểm soát - báo cáo). Từ đó, tác giả chỉ ra các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro KHDN tại chi nhánh trong thời gian tới.

Từ khóa: rủi ro tín dụng; khách hàng doanh nghiệp; quản trị rủi ro; nợ xấu; VietinBank Hà Tĩnh.

**Credit risk management for corporate customers
at VietinBank Ha Tinh**

Abstract

The study analyzes the current situation of credit risk management for corporate clients at the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ha Tinh Branch during the period from 2020 to 2024, grounded in the Basel risk management framework and approached through the loan-lifecycle perspective (identification - measurement - response - control - reporting). Based on this analysis, the author highlights the key achievements, identifies existing limitations and their underlying causes, and proposes solutions aimed at enhancing the effectiveness of corporate credit risk management at the branch in the coming period.

Keywords: Credit risk; corporate customers; risk management; non-performing loans; VietinBank Ha Tinh.

1. Đặt vấn đề

Thu nhập từ tín dụng doanh nghiệp là thành phần chủ yếu và quan trọng đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại, đồng thời, đây cũng là nghiệp vụ hàm chứa rủi ro lớn

do quy mô khoản vay thường cao, chịu tác động mạnh của chu kỳ kinh tế và chất lượng quản trị doanh nghiệp (Mishkin, 2007; Saunders & Allen, 2010). Đối với VietinBank Hà Tĩnh, hoạt động quản trị rủi ro cho vay KHDN có vai trò đặc biệt quan trọng khi dư nợ KHDN duy trì tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ của chi nhánh và có xu hướng gia tăng, trong bối cảnh địa bàn Hà Tĩnh có cơ cấu doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), năng lực tài chính phân hóa và mức độ minh bạch thông tin còn hạn chế.

Giai đoạn 2020-2024 nền kinh tế chịu ảnh hưởng của nhiều cú sốc: COVID-19 làm suy giảm dòng tiền doanh nghiệp; biến động lãi suất và tỷ giá giai đoạn 2022-2023 làm tăng chi phí vốn; thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp gặp căng thẳng; cùng với rủi ro thiên tai đặc thù miền Trung. Những yếu tố này làm gia tăng xác suất suy giảm chất lượng tín dụng, đòi hỏi chi nhánh phải chuyển từ “quản trị sau khi rủi ro xảy ra” sang “quản trị chủ động dựa trên dữ liệu”, đồng thời cân bằng mục tiêu tăng trưởng với an toàn danh mục theo khẩu vị rủi ro (BCBS, 2000; BIS, 2006).

Chính vì những lý do đó, việc đánh giá thực trạng quản trị rủi ro tín dụng KHDN tại VietinBank Hà Tĩnh, chỉ ra thành tựu, hạn chế và đề xuất giải pháp khả thi là cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng tài sản, tối ưu hóa chi phí dự phòng, và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng doanh nghiệp bền vững, phù hợp định hướng Basel và xu thế đo lường tổn thất tín dụng kỳ vọng theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế số 9 (IFRS9) (IASB, 2014; Kiyu & Tawiah, 2025).

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Rủi ro tín dụng là khả năng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, gây tổn thất tài chính cho ngân hàng (BCBS, 2000). Với khách hàng doanh nghiệp, rủi ro tín dụng thường chịu chi phối bởi năng lực tài chính, quản trị dòng tiền, triển vọng ngành, và mức độ minh bạch thông tin; đồng thời chịu tác động của chính sách vĩ mô và biến động thị trường.

Quản trị rủi ro tín dụng là hệ thống chính sách - quy trình - công cụ nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ vòng đời khoản vay, bảo đảm rủi ro nằm trong khẩu vị đã được phê duyệt (Altman & Saunders, 1997; BCBS, 2000). Theo thông lệ quốc tế, quản trị rủi ro tín dụng đối với KHDN thường được triển khai trên ba trụ cột: *Thứ nhất*, khung quản trị dựa trên mô hình “ba tuyến phòng thủ” nhằm phân tách chức năng kinh doanh, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ, nâng cao tính khách quan trong ra quyết định và hạn chế xung đột lợi ích; *Thứ hai*, rủi ro được lượng hóa bằng các tham số cốt lõi theo xác suất vỡ nợ, tỷ lệ tổn thất khi vỡ nợ, dư nợ có rủi ro, đồng thời gắn với tiếp cận tổn thất tín dụng kỳ vọng theo IFRS 9 để phản ánh dự báo mức độ suy giảm chất lượng tín dụng. *Thứ ba*, trọng tâm quản trị được dịch chuyển từ khoản vay đơn lẻ sang quản trị danh mục, thể

hiện ở việc thiết lập giới hạn theo ngành hoặc theo nhóm khách hàng liên quan, thực hiện kiểm định sức chịu đựng và áp dụng cơ chế định giá theo rủi ro, qua đó tối ưu hóa quan hệ rủi ro - lợi nhuận và tăng khả năng chống chịu của toàn danh mục tín dụng (BIS, 2006; Saunders & Allen, 2010)

3. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại VietinBank Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2024

3.1. Rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp

Dư nợ KHDN tăng gần gấp đôi sau 4 năm, từ 2.946.588 triệu đồng (năm 2020) lên 5.782.840 triệu đồng (năm 2024). Nếu tính CAGR giai đoạn 4 năm, tăng khoảng 18,4%/năm; nếu tính trung bình tốc độ tăng trưởng năm theo số tương đối, đạt khoảng 21,5%/năm. Tuy nhiên, mức tăng quy mô kéo theo yêu cầu siết quản trị chất lượng tín dụng.

Bảng 1. Chỉ tiêu rủi ro tín dụng KHDN tại VietinBank Hà Tĩnh (2020-2024)

Năm	Dư nợ KHDN (triệu đồng)	Nợ xấu (triệu đồng)	Tỷ lệ nợ xấu (%)	Dự phòng RRTD KHDN (triệu đồng)	Tỷ lệ dự phòng (%)	Tỷ lệ dư nợ có TSDB (%)
2020	2.946.588	56.869	1,93	36.243	1,23	94
2021	2.842.522	56.282	1,98	41.501	1,46	90
2022	2.607.506	54.758	2,10	40.156	1,54	89
2023	3.809.279	83.804	2,20	62.853	1,65	89
2024	5.782.840	112.187	1,94	92.525	1,60	87

(Nguồn: VietinBank Hà Tĩnh và tính toán của tác giả)

Dữ liệu tín dụng giai đoạn 2020-2024 cho thấy danh mục cho vay KHDN của chi nhánh có sự biến động mạnh cả về quy mô và mức độ rủi ro. Dư nợ doanh nghiệp tăng từ 2.946.588 triệu đồng năm 2020 lên 5.782.840 triệu đồng năm 2024, tương đương mức tăng gần 96%. Sau hai năm 2020-2022 giảm nhẹ do định hướng thận trọng, tín dụng bắt đầu tăng trưởng mạnh trở lại từ 2023-2024 (lần lượt 46,1% và 51,8%), phản ánh xu hướng mở rộng và sự phục hồi nhu cầu vốn. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhanh trong hai năm gần đây cũng kéo theo rủi ro tín dụng tiềm ẩn gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh công tác thẩm định và giám sát phải thích ứng với quy mô cho vay mở rộng. Về chất lượng tín dụng, giá trị nợ xấu tăng gần gấp đôi từ 56.869 triệu đồng lên 112.187 triệu đồng, tập trung tăng mạnh từ năm 2023, trong khi tỷ lệ nợ xấu dao động ở mức 1,9-2,2%. Đáng chú ý, tỷ lệ này tăng dần giai đoạn 2020-2023, cho thấy xu hướng rủi ro xấu đi trong giai đoạn đẩy mạnh cho vay, nhưng đã giảm về 1,94% năm 2024 dù dư nợ tăng mạnh, cho thấy nỗ lực xử lý nợ và cải thiện chất lượng khách hàng mới. So sánh với số liệu toàn hệ thống VietinBank trong báo cáo Hội nghị

tổng kết hoạt động kinh doanh hằng năm cho thấy tỉ lệ nợ xấu của chi nhánh ở mức cao (tỉ lệ toàn ngành được công bố giai đoạn 2020-2024 lần lượt là 0,94%; 1,6%; 1,2%; 1,15%; 1,32%). Về dự phòng rủi ro, quy mô trích lập tăng 155% trong bốn năm, nhanh hơn mức tăng nợ xấu; tỷ lệ bao phủ nợ xấu cũng tăng từ khoảng 64% lên 82,5%, phản ánh cách tiếp cận thận trọng hơn và khả năng chống chịu rủi ro được cải thiện. Tuy nhiên, mức bao phủ vẫn dưới 100%, nghĩa là ngân hàng có thể đối mặt áp lực nếu nợ xấu tăng đột biến. Bên cạnh đó, tỷ lệ dư nợ có tài sản bảo đảm giảm từ 94% xuống 87%, cho thấy xu hướng tăng tỷ trọng cho vay ít hoặc không có tài sản bảo đảm. Xu hướng giảm này đòi hỏi chi nhánh phải nâng cao chất lượng thẩm định dòng tiền, giám sát, kiểm soát sau cho vay để bù đắp rủi ro gia tăng. Tổng thể, rủi ro tín dụng KHDN vẫn được kiểm soát trong ngưỡng an toàn nhưng chịu áp lực tăng, đặc biệt từ tăng trưởng dư nợ nhanh, nợ xấu tuyệt đối tăng và mức độ bảo đảm suy giảm; trong khi đó, việc tăng cường trích lập dự phòng và cải thiện tỷ lệ bao phủ là điểm sáng giúp cải thiện năng lực phòng ngừa rủi ro của chi nhánh.

3.2. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng khách hàng doanh nghiệp

a) Mô hình tổ chức quản trị rủi ro tín dụng

VietinBank thực hiện quản trị rủi ro tín dụng theo mô hình ba tuyến phòng vệ.

Tại tuyến thứ nhất, lực lượng kinh doanh và các phòng, ban trực tiếp cấp tín dụng có trách nhiệm nhận dạng, đo lường và giám sát rủi ro ngay tại từng giao dịch. Họ chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định liên quan đến rủi ro, triển khai biện pháp giảm thiểu và đảm bảo mọi quyết định tín dụng tuân thủ quy định nội bộ.

Tuyến thứ hai là bộ phận quản trị rủi ro độc lập; bộ phận này xây dựng chính sách và quy trình quản trị rủi ro, ban hành mô hình đánh giá và hạn mức rủi ro, giám sát việc tuân thủ các chính sách này và đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro.

Tuyến thứ ba là kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng kiểm tra và đánh giá độc lập việc thực hiện cơ chế, chính sách và quy định quản trị rủi ro tín dụng, từ đó kiến nghị cải thiện.

Chi nhánh VietinBank Hà Tĩnh áp dụng mô hình này để phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa bộ phận kinh doanh, bộ phận quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ. Ngoài ra, chi nhánh còn tham gia bộ máy quản trị rủi ro tập trung của VietinBank; các hồ sơ tín dụng tại Hà Tĩnh đều phải được thẩm định, phê duyệt và giám sát bởi hệ thống quản lý rủi ro của ngân hàng. Dữ liệu về khách hàng, tài sản bảo đảm và dòng tiền được cập nhật lên hệ thống core-banking để các tuyến phòng vệ cùng giám sát.

b) Chiến lược quản trị và khẩu vị rủi ro

Chính sách của VietinBank đặt mục tiêu xây dựng hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngân hàng xác định chiến lược quản trị rủi ro tín dụng gắn với chiến lược

kinh doanh trung và dài hạn; chiến lược này đề ra mục tiêu cụ thể cho các hoạt động phát sinh rủi ro, kèm theo các biện pháp kiểm soát phù hợp với năng lực của ngân hàng.

Khẩu vị rủi ro đối với rủi ro tín dụng được gắn chặt với mục tiêu lợi nhuận, kế hoạch vốn, kế hoạch thanh khoản và xếp hạng tín dụng của VietinBank. Khẩu vị rủi ro được triển khai qua hai nội dung chính: (1) đa dạng hóa danh mục tín dụng để phân tán rủi ro, tránh tập trung vào một khách hàng, nhóm khách hàng hay ngành nghề; (2) thiết lập và giám sát hạn mức rủi ro tín dụng trên cơ sở quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và mục tiêu quản trị nội bộ.

Thực tế tại VietinBank Hà Tĩnh cho thấy việc tuân thủ chiến lược và khẩu vị rủi ro mang lại kết quả tích cực. Theo Công Thông tin Hà Tĩnh, Chi nhánh Hà Tĩnh là một trong số ít ngân hàng có dư nợ cho vay cao hơn quy mô huy động vốn nhưng chất lượng tín dụng vẫn được duy trì tốt, 96 % dư nợ nằm trong nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn).

Việc kiểm soát nợ xấu gắn với xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện thường xuyên; thông báo bán tài sản thế chấp đăng trên website VietinBank nêu rõ các trường hợp thu giữ và bán tài sản để thu hồi nợ, cho thấy chi nhánh chủ động xử lý khoản vay quá hạn.

c) Quy trình quản lý rủi ro tín dụng

VietinBank áp dụng quy trình quản trị rủi ro tín dụng gồm năm bước: nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát và báo cáo. Ở bước *nhận dạng*, ngân hàng xác định các rủi ro trọng yếu, nguồn gốc và nguyên nhân tiềm ẩn của rủi ro tín dụng. Sau đó, ngân hàng sử dụng mô hình *xếp hạng nội bộ, các phương pháp định lượng* để đánh giá tác động ngắn hạn và dài hạn của rủi ro đối với thu nhập và tỷ lệ an toàn vốn. Ở *bước theo dõi*, chi nhánh giám sát trạng thái rủi ro và cảnh báo sớm khả năng vi phạm hạn mức; dữ liệu nợ được theo dõi thường xuyên qua hệ thống core - banking để đảm bảo 96 % dư nợ nằm ở nhóm 1. Ở *bước kiểm soát*, ngân hàng triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro, bảo đảm việc cấp tín dụng tuân thủ hạn mức và quy định pháp luật. Chi nhánh Hà Tĩnh giảm thiểu rủi ro bằng cách yêu cầu tài sản bảo đảm phù hợp, duy trì tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản hợp lý và tăng cường giám sát sau cho vay. Cuối cùng, ở *bước báo cáo*, ngân hàng thực hiện cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho lãnh đạo và các bên liên quan để đưa ra quyết định phù hợp, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.

Quá trình này được thực hiện nghiêm ngặt, chi nhánh chủ động triển khai các giải pháp giúp khách hàng tiếp cận vốn nhưng vẫn bảo đảm thủ tục minh bạch, kiểm soát chặt chẽ và lưu ý đến khả năng trả nợ. Việc xử lý nợ xấu được thực hiện qua thu giữ và bán tài sản bảo đảm như những thông báo bán đất và nhà ở Kỳ Anh công bố trên website VietinBank.

Ngoài ra, chi nhánh sử dụng các mô hình cảnh báo sớm dựa trên lịch sử thanh toán, ngành nghề và hạn mức rủi ro để phát hiện dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.

d) Công cụ hỗ trợ quản trị rủi ro tín dụng

Theo báo cáo công bố thông tin của VietinBank, ngân hàng chú trọng nâng cấp hạ tầng công nghệ nhằm hỗ trợ công tác quản trị rủi ro. Hệ thống core - banking giúp xử lý số lượng lớn giao dịch, lưu trữ thông tin khách hàng và hỗ trợ việc vận hành, báo cáo rủi ro. Bên cạnh đó, VietinBank triển khai hệ thống khởi tạo và phê duyệt tín dụng điện tử, hỗ trợ quy trình cấp tín dụng từ tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt đến kiểm soát trước giải ngân. Chi nhánh Hà Tĩnh khai thác các công cụ này để nâng cao tính tự động hóa và giảm thời gian xử lý, đồng thời tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro thông qua các chỉ tiêu cảnh báo tự động. Khi khách hàng không thể trả nợ, chi nhánh phối hợp với Trung tâm quản lý tài sản của VietinBank để thu giữ và bán tài sản thế chấp, như các thông báo bán đất ở Kỳ Anh đã đăng tải. Hoạt động này vừa hỗ trợ thu hồi nợ, vừa góp phần tăng cường kỷ luật trả nợ của khách hàng.

4. Kết quả quản trị rủi ro tín dụng KHDN tại VietinBank Hà Tĩnh

4.1. Thành tựu

VietinBank Hà Tĩnh duy trì tỷ lệ nợ xấu nhóm 3-5 ở mức thấp và ổn định trong suốt giai đoạn nghiên cứu, luôn dưới 2,2% và giảm còn 1,94% vào năm 2024, phản ánh hiệu quả của quy trình thẩm định và giám sát tín dụng. Đồng thời, chi nhánh tăng cường trích lập dự phòng khi quy mô dự phòng tăng từ 36.243 lên 92.525 triệu đồng và tỷ lệ dự phòng duy trì trong khoảng 1,23-1,65%, cho thấy mức độ thận trọng và khả năng nâng cao năng lực hấp thụ rủi ro.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dư nợ có tài sản bảo đảm luôn duy trì ở mức trên 87%, cho thấy chi nhánh đảm bảo được lớp an toàn cần thiết nhằm hạn chế tổn thất khi phát sinh rủi ro tín dụng. Tiếp nối những nỗ lực này, công tác quản trị danh mục tín dụng được triển khai theo định hướng kiểm soát rủi ro tập trung, thể hiện qua việc giám sát chặt chẽ các ngành nhạy cảm, tăng cường kiểm soát sau giải ngân và thực hiện tái cơ cấu nợ theo quy định, góp phần hạn chế hình thành nợ xấu mới và nâng cao chất lượng danh mục cho vay.

4.2. Hạn chế

VietinBank Hà Tĩnh vẫn đối mặt với một số thách thức trong quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp. Trước hết, cơ chế cảnh báo sớm chưa thực sự phát huy hiệu quả khi dư nợ nhóm 2 tăng nhanh, phản ánh độ trễ trong nhận diện tín hiệu xấu và triển khai biện pháp can thiệp trước khi chất lượng khoản vay suy giảm rõ rệt. Đồng thời, chi phí dự phòng tăng mạnh

hơn tốc độ mở rộng dư nợ đang tạo sức ép đáng kể lên lợi nhuận, làm thu hẹp biên lợi nhuận sau rủi ro của chi nhánh.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dư nợ có tài sản bảo đảm có xu hướng giảm, nếu không được bù đắp bằng dữ liệu dòng tiền chất lượng cao cùng cơ chế kiểm soát sau vay chặt chẽ, nguy cơ gia tăng mức tổn thất khi phát sinh nợ xấu là không nhỏ. Hơn nữa, công tác xử lý và thu hồi nợ cũng gặp nhiều khó khăn do tính thanh khoản tài sản tại địa phương còn hạn chế và các thủ tục pháp lý kéo dài, làm chậm vòng quay thu hồi và làm giảm giá trị thu hồi thực tế

4.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân bên ngoài

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn vẫn bộc lộ mức độ minh bạch hạn chế khi báo cáo tài chính chưa được chuẩn hóa, cùng với đó là sự phụ thuộc lớn vào chu kỳ ngành và một số khách hàng chủ chốt trong chuỗi cung ứng, làm tăng tính dễ tổn thương trước biến động kinh tế. Trong bối cảnh đó, các cú sốc vĩ mô như dịch bệnh, biến động lãi suất hay suy giảm thị trường tài sản đã ảnh hưởng rõ rệt đến dòng tiền, khiến rủi ro chậm trả gia tăng.

Cùng với đó, một số tài sản bảo đảm, đặc biệt là bất động sản có tính thanh khoản thấp, trong khi các thủ tục pháp lý liên quan đến xử lý tài sản thường kéo dài, làm giảm hiệu quả thu hồi nợ khi phát sinh rủi ro. Ngoài ra, yếu tố thiên tai cũng là một nguồn rủi ro đặc thù, có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất - kinh doanh, làm giảm giá trị tài sản và suy yếu sức chống chịu tài chính của doanh nghiệp.

b) Nguyên nhân thuộc về ngân hàng

Trước hết, hệ thống cảnh báo sớm vẫn dựa chủ yếu trên dữ liệu quá khứ nên chưa phản ánh kịp thời các biến động theo chu kỳ ngành tại địa phương, làm giảm hiệu quả nhận diện rủi ro sớm. Tiếp đó, hoạt động kiểm soát sau giải ngân và giám sát dòng tiền vẫn chưa tương xứng với xu hướng giảm tỷ trọng tài sản bảo đảm, dẫn đến hạn chế trong việc theo dõi sức khỏe tài chính của khách hàng vay. Đồng thời, công tác định giá và đánh giá khả năng thanh khoản của tài sản bảo đảm chưa theo kịp biến động thị trường, đặc biệt đối với các loại tài sản mang tính đặc thù, qua đó làm gia tăng sai lệch giữa giá trị định giá và giá trị có thể thu hồi. Cuối cùng, danh mục tín dụng có dấu hiệu tập trung vào một số chuỗi ngành, trong khi cơ chế định giá theo mức độ rủi ro và hệ thống cam kết ràng buộc chưa được vận hành đầy đủ, làm suy giảm vai trò điều chỉnh và kỷ luật rủi ro trong toàn bộ danh mục.

5. Một số giải pháp tăng cường quản trị rủi ro tín dụng KHDN tại VietinBank Hà Tĩnh

5.1. Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm theo hướng dữ liệu hóa

Hệ thống cảnh báo sớm cần được thiết kế theo cấu trúc đa tầng, bao gồm các nhóm chỉ báo về tài chính, hành vi sử dụng hạn mức, tính chất và giá trị tài sản bảo đảm, yếu tố pháp lý, cũng như đặc thù ngành và địa bàn hoạt động. Bên cạnh đó, việc tích hợp dữ liệu dòng tiền có ý nghĩa quan trọng, với các thông tin như biến động tài khoản, lịch sử thanh toán nợ, mức độ sử dụng hạn mức và mẫu hình giao dịch; đồng thời tăng cường khả năng kết nối với dữ liệu từ hóa đơn điện tử và cơ quan thuế khi điều kiện kỹ thuật cho phép. Hệ thống cũng cần được tùy biến theo từng ngành, chẳng hạn thép, xây dựng, logistics, nông nghiệp hay thủy sản, thông qua việc thiết lập các ngưỡng cảnh báo dựa trên đặc điểm mùa vụ, chu kỳ giá hoặc tiến độ hợp đồng. Để nâng cao hiệu quả can thiệp, mỗi cảnh báo cần được gắn với hành động xử lý cụ thể, cùng cơ chế phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện và quy trình chuyển cấp sang đơn vị quản lý rủi ro khi vượt ngưỡng. Cuối cùng, hiệu quả của hệ thống cảnh báo sớm cần được đo lường thông qua các chỉ số như độ chính xác, thời gian dự báo trước khi khoản vay suy giảm chất lượng, tỷ lệ phục hồi sau khi được cảnh báo và tỷ lệ hình thành nợ xấu mới.

5.2. Tăng cường kiểm soát sau giải ngân và quản trị dòng tiền

Việc quản lý sau giải ngân cần được tăng cường thông qua áp dụng tài khoản chuyên thu nhằm kiểm soát dòng tiền đối với các khoản vay vốn lưu động và các khoản vay gắn với hợp đồng, đồng thời ưu tiên cơ chế thu nợ tự động dựa trên doanh số ghi nhận về tài khoản. Quy trình giải ngân cần tuân thủ hình thức theo chứng từ và tiến độ thực hiện, kết hợp với kiểm tra hồ sơ trong khoảng thời gian chuẩn và tăng cường kiểm tra hiện trường đối với các khách hàng có mức độ rủi ro cao. Bên cạnh đó, cần thiết lập các cam kết tài chính như chỉ tiêu khả năng trả nợ, giới hạn đòn bẩy, mức tồn kho và công nợ phải thu, cùng với cơ chế can thiệp tương ứng khi xuất hiện vi phạm. Công tác giám sát cũng cần được chuẩn hóa thông qua bộ tiêu chí hậu kiểm theo từng ngành, chẳng hạn đối với xây lắp tập trung vào nghiệm thu và nguồn thanh toán từ chủ đầu tư; đối với hoạt động logistics chú trọng sản lượng và vòng quay phương tiện; và đối với doanh nghiệp sản xuất theo dõi tồn kho, dòng vật tư đầu vào - đầu ra và phạm vi bảo hiểm hàng hóa.

5.3. Hoàn thiện định giá và quản lý tài sản bảo đảm

Công tác quản trị tài sản bảo đảm cần được tăng cường thông qua việc rà soát tần suất định giá lại dựa trên mức độ rủi ro, trong đó các tài sản biến động mạnh hoặc có tính thanh khoản thấp phải được định giá với chu kỳ ngắn hơn và áp dụng mức khấu trừ phù hợp. Đồng thời, việc xây dựng cơ sở dữ liệu định giá nội bộ cho các loại tài sản đặc thù, bao gồm lịch sử định giá, tình trạng thực tế, hồ sơ pháp lý và dữ liệu hình ảnh, giúp nâng cao độ chính xác và khả năng giám sát. Khi giá trị tài sản giảm vượt ngưỡng quy định, cần kích hoạt cơ chế bổ

sung tài sản bảo đảm hoặc điều chỉnh hạn mức tín dụng. Cuối cùng, năng lực xử lý tài sản bảo đảm cần được cải thiện thông qua chuẩn hóa hồ sơ pháp lý từ đầu, chuẩn bị trước phương án bán hoặc đấu giá, và phối hợp hiệu quả với các tổ chức thẩm định và đấu giá nhằm rút ngắn thời gian thu hồi.

5.4. Siết kỷ luật danh mục và hạn mức cho vay

Quản trị danh mục tín dụng cần được củng cố thông qua việc thiết lập và hiệu chỉnh hạn mức theo ngành và nhóm khách hàng liên quan, đồng thời giám sát chặt chẽ các lĩnh vực có mức độ biến động cao hoặc liên kết trong chuỗi giá trị nhằm kiểm soát rủi ro tập trung. Việc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của danh mục theo các kịch bản như biến động lãi suất, giảm giá hàng hóa, gián đoạn dự án hay thiên tai cung cấp cơ sở định lượng để điều chỉnh hạn mức và chính sách tín dụng. Song song, danh mục khách hàng doanh nghiệp cần được đa dạng hóa theo ngành và quy mô nhằm giảm rủi ro đồng biến trong bối cảnh nền kinh tế địa phương phụ thuộc một số trụ cột tăng trưởng.

Bên cạnh đó, định giá tín dụng theo mức độ rủi ro, dựa trên xếp hạng nội bộ và chất lượng dòng tiền, giúp tạo động lực nâng cao minh bạch tài chính của doanh nghiệp và cho phép ngân hàng bù đắp chi phí vốn cũng như chi phí rủi ro. Năng lực thẩm định được nâng cao thông qua đào tạo về phân tích báo cáo tài chính, đánh giá dòng tiền, nhận diện gian lận và hiểu biết ngành, cùng với chuẩn hóa đạo đức nghề nghiệp và cơ chế khuyến khích gắn với chất lượng tài sản. Cuối cùng, việc củng cố phối hợp giữa ba tuyến phòng thủ, với phân định rõ trách nhiệm và tăng vai trò của tuyến giám sát trong quản trị danh mục và hậu kiểm, góp phần nâng cao tính kỷ luật và hiệu quả kiểm soát rủi ro.

6. Kết luận

VietinBank Hà Tĩnh đã mở rộng tín dụng doanh nghiệp trong bối cảnh phục hồi kinh tế nhưng vẫn đối mặt với các tín hiệu rủi ro phát sinh từ chất lượng khoản vay và giới hạn của cơ chế bảo đảm. Điều này đòi hỏi chi nhánh chuyển trọng tâm quản trị từ dựa vào tài sản sang dựa vào dữ liệu và dòng tiền, thông qua nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm, tăng cường kiểm soát sau giải ngân, cải thiện định giá và quản trị tài sản bảo đảm theo thanh khoản, siết kỷ luật danh mục theo ngành và áp dụng định giá tín dụng theo mức độ rủi ro. Việc triển khai đồng bộ các định hướng này sẽ giúp chi nhánh cân bằng giữa tăng trưởng và an toàn, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Altman, E. I., & Saunders, A. (1997). Credit risk measurement: Developments over the last 20 years. *Journal of Banking & Finance*, 21(11-12), 1721-1742.
- Basel Committee on Banking Supervision (BCBS). (2000). *Principles for the Management of Credit Risk*. Bank for International Settlements.
- Bank for International Settlements (BIS). (2006). *International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards: A Revised Framework (Basel II)*.
- IASB. (2014). *IFRS 9 Financial Instruments*. International Accounting Standards Board.
- Jorion, P. (2001). *Value at Risk: The New Benchmark for Managing Financial Risk*. McGraw-Hill.
- Kiều, N. M. (2012). *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. NXB Lao động - Xã hội.
- Kyiu, A., & Tawiah, V. (2025). IFRS 9 implementation and bank risk. *Accounting Forum*.
- Merton, R. C. (1974). On the pricing of corporate debt: The risk structure of interest rates. *Journal of Finance*, 29(2), 449-470.
- Mishkin, F. S. (2007). *The Economics of Money, Banking, and Financial Markets*. Pearson.
- Ngo, T., Le, V., & Le, H. (2021). Factors affecting credit risk in lending activities of joint-stock commercial banks in Vietnam. *JEECAR*, 8(2), 228-239.
- Saunders, A., & Allen, L. (2010). *Credit Risk Management in and out of the Financial Crisis*. Wiley.
- Tiến, P., & Nguyen, K. (2023). Credit risk management and effectiveness of credit activities: Evidence from Vietnam. *JEECAR*, 10, 788-799.
- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan: Thông tư 41/2016/TT-NHNN; Thông tư 11/2021/TT-NHNN; các quy định cơ cấu nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 02/2023/TT-NHNN (và các văn bản sửa đổi/bổ sung).